

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt số lượng học sinh trung học phổ thông được hưởng
các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ
năm học 2024-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn
đặc biệt khó khăn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cụ thể khoảng cách và địa bàn để xác định
học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán
kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị
quyết số 54/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13
tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cụ thể khoảng cách và
địa bàn để xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày;
quy định cụ thể tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa
bàn tỉnh Kon Tum;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt số lượng học sinh trung học phổ thông được hưởng các
chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm
2016 của Chính phủ, năm học 2024-2025 (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Sở, ngành liên quan và
các địa phương tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đầy đủ, kịp thời, công khai
và đúng đối tượng. Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Giáo
dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh theo qui định.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + CVP, PCVP_{KGVX};
- + Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{THT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc

PHỤ LỤC
SỐ LƯỢNG HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số: 602 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên trường	Tổng số học sinh toàn trường	Học sinh được phê duyệt hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				
				Học sinh người DTTS	Học sinh người kinh con hộ nghèo	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, gạo	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền nhà ở	
1	Trường THPT Kon Tum	1.405	1	1	0	1	1	
2	Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum	1.519	2	2	0	2	2	
3	Trường THPT Ngô Mỹ	1.003	53	53	0	53	53	
4	Trường THPT Trường Chinh	915	18	18	0	18	18	
5	Trường THPT Lê Lợi	928	39	39	0	39	39	
6	Trường THPT Nguyễn Du	584	31	31	0	31	31	
7	Trường PT DTNT huyện Đăk Hà	405	9	9	0	9	9	
8	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1.132	4	4	0	4	4	
9	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	820	7	7	0	7	4	
10	Trường PT DTNT huyện Đăk Tô	431	32	32	0	32	32	
11	Trường PT DTNT huyện Tu Mơ Rông	460	67	67	0	67	0	
12	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.360	11	11	0	11	11	

13	Trường THPT Phan Chu Trinh	410	41	40	1	41	41	
14	Trường THPT Lương Thế Vinh	684	284	284	0	284	181	
15	Trường PT DTNT huyện Đắk Glei	544	66	66	0	66	66	
16	Trường THPT Quang Trung	710	21	18	3	21	21	
17	Trường PT DTNT Sa Thầy	410	53	52	1	53	53	
18	Trường THPT Chu Văn An	334	42	42	0	42	42	
19	Trường PT DTNT THPT huyện Kon Plông	513	64	64	0	64	0	
20	Phân hiệu Trường PT DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai	297	45	41	4	45	45	
21	Trường PT DTNT huyện Kon Rẫy	369	6	6	0	6	6	
22	Trường THPT Duy Tân	1.074	13	13	0	13	13	
23	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	812	2	2	0	2	2	
Tổng cộng		17.119	911	902	9	911	674	

PHỤ LỤC
SỐ LƯỢNG HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐƯỢC PHÊ DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP, NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HỌC 2024-20245
(Kèm theo Quyết định số: 602 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên trường	Tổng số học sinh toàn trường	Học sinh được phê duyệt hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				
				Học sinh người DTTS	Học sinh người kinh con hộ nghèo	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, gạo	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền nhà ở	
1	Trường THPT Kon Tum	1.405	1	1	0	1	1	
2	Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum	1.519	2	2	0	2	2	
3	Trường THPT Ngô Mỹ	1.003	53	53	0	53	53	
4	Trường THPT Trường Chinh	915	18	18	0	18	18	
5	Trường THPT Lê Lợi	928	39	39	0	39	39	
6	Trường THPT Nguyễn Du	584	31	31	0	31	31	
7	Trường PT DTNT huyện Đăk Hà	405	9	9	0	9	9	
8	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1.132	4	4	0	4	4	
9	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	820	7	7	0	7	4	
10	Trường PT DTNT huyện Đăk Tô	431	32	32	0	32	32	
11	Trường PT DTNT huyện Tu Mơ Rông	460	67	67	0	67	0	
12	Trường THPT Nguyễn Trãi	1.360	11	11	0	11	11	
13	Trường THPT Phan Chu Trinh	410	41	40	1	41	41	

14	Trường THPT Lương Thế Vinh	684	284	284	0	284	181	
15	Trường PT DTNT huyện Đắk Glei	544	66	66	0	66	66	
16	Trường THPT Quang Trung	710	21	18	3	21	21	
17	Trường PT DTNT Sa Thầy	410	53	52	1	53	53	
18	Trường THPT Chu Văn An	334	42	42	0	42	42	
19	Trường PT DTNT THPT huyện Kon Plông	513	64	64	0	64	0	
20	Phân hiệu Trường PT DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai	297	45	41	4	45	45	
21	Trường PT DTNT huyện Kon Rẫy	369	6	6	0	6	6	
22	Trường THPT Duy Tân	1.074	13	13	0	13	13	
23	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	812	2	2	0	2	2	
Tổng cộng		17.119	911	902	9	911	674	